

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Mã nhận dạng 00615

Trang 2/2

Môn Học : Được phân tích (203419) - Số Tín Chi: 3

Ngày Thi : 14/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi M.02

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (%)	Điểm thi (40%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10142149	LÊ THỊ THU THẢO	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.6	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10142151	NGUYỄN THỊ THANH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		8.4	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10142153	LÊ THỊ XUÂN	DH10DY		<i>[Signature]</i>	7		8.4	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10142159	MAI HOÀNG PHƯỚC	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		5.9	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10142166	HOÀNG THỊ BÍCH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		7.8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10142167	LÊ THỊ THANH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		6.8	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10142168	NGUYỄN THỊ THANH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		6.8	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10142174	TRẦN MINH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.3	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10142177	TẠ THỊ	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		7.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10142179	ĐỖ THỊ HUYỀN	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.4	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10142218	NGUYỄN THỊ THU	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		6.4	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10142182	MAN THỊ NGỌC	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.3	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10142186	NGUYỄN HỮU	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		8.1	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10142184	ĐÀO THU	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		6.4	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10142188	LƯU THỊ THU	DH10DY		<i>[Signature]</i>	7.5		7.9	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10142192	LÂM ANH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.1	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10142199	HỒ NGỌC TƯỜNG	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9.5		8.7	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10142202	NGUYỄN TOÀN	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9.5		7.3	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 38.....; Số tờ: 38.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
Mai Hoàng Thi Dung

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
Phùng Võ Cẩm Hằng

Ngày 1 tháng 7 năm 2013

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Mã nhận dạng 00615

Trang 1/2

27/8/2013

Môn Học : Được phân tích (203419) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 14/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi M.02

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10142103	NGUYỄN NGỌC LINH NHAN	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		7.5	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10142104	HUỶNH NGỌC NHAN	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.3	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10142215	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.7	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10142110	TỬ NHƯ NHỊ	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.7	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10142114	LÊ NGỌC NỮ	DH10DY		<i>[Signature]</i>	7.5		7.8	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10142115	MAI THỊ OANH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		7.1	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10142116	VŨ TY PHÚ	DH10DY		<i>[Signature]</i>	7		7.6	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10142117	NGUYỄN HỮU PHÚC	DH10DY		<i>[Signature]</i>	7		6.7	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11142089	NGUYỄN THỊ DIỆM PHƯƠNG	DH11DY							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10142122	HUỶNH THỊ HỒNG PHƯƠNG	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		7.8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10142125	TRẦN THỊ TÚ QUYÊN	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		7.9	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10142126	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	7.5		7.8	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10142127	HỒ THỊ SANG	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9.5		7.3	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10142128	ĐÌNH THỊ HỒNG SON	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.7	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10142130	NGUYỄN NHƯ SON	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8		5.4	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10142131	NGUYỄN THỊ THẢO SƯƠNG	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9.5		6.5	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10142137	BÙI THỊ MỸ THANH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		7.9	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10142146	DƯƠNG THỊ THANH THẢO	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9.5		7.9	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 38; Số tờ: 38

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
Thị Hồng Thị Dung

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
Phùng Võ Cẩm Hồng

Ngày 1 tháng 7 năm 2013



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00614

Trang 3/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Dược phân tích (203419) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 14/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi M.01

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (%)	Điểm thi (40%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10142100	TRẦN THUY NHƯ NGUYỄN	DH10DY		<i>Như</i>	8.5		8.3	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	10142101	TRƯƠNG THỊ BÍCH NGUYỄN	DH10DY		<i>Bích</i>	8.5		7.5	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	10142102	NGUYỄN THỊ NHÃ	DH10DY		<i>Nhã</i>	8.5		8.6	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 39; Số tờ: 39
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
Nguyễn Văn Chánh
Trương Tuyết Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
 (Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2
Phùng Võ Cẩm Hồng

Ngày 1 tháng 7 năm 2013

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Được phân tích (203419) - Số Tín Chi: 3

Ngày Thi : 14/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi M.01

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (%)	Điểm thi (40%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10142046	CAO THI HOÀI	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		8.6	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10142047	ĐỖ DUY HOÀI	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		8.3	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10142048	NGUYỄN THANH HOÀI	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.6	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10142055	HUỖNH THỊ NGỌC HUYỀN	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.1	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10142064	PHẠM THỊ THIÊN KIỀU	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		9.1	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10142069	HÀ MINH LÂN	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9.5		7.6	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10142072	TRẦN SĨ LIÊM	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9.5		7.1	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10142074	ĐỖ THỊ LIÊN	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		7.8	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10142076	TRẦN THỊ KIM LIÊN	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.1	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10142077	TRƯƠNG HOÀNG MỸ LINH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		7.5	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10142078	VÕ THỊ MỸ LINH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.4	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10142083	LÊ THỊ BÍCH LY	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.3	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10142084	LÊ THỊ THU MAI	DH10DY		<i>[Signature]</i>	7		8.3	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10142085	HỒ NGỌC DIỄM MI	DH10DY		<i>[Signature]</i>	7.5		8.6	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10142086	NGUYỄN THỊ HUỖNH MI	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		7.6	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10142088	CHÈNH GIA MINH	DH10DY		<i>[Signature]</i>	9		5.4	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10142091	TRẦN THỊ DIỄM MY	DH10DY		<i>[Signature]</i>	8.5		8.6	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10142097	TRẦN LÊ VŨ NGHI	DH10DY		<i>[Signature]</i>	7		6.2	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 39; Số tờ: 39

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
Phùng Võ Cẩm Hồng

Ngày 1 tháng 7 năm 2013

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Mã nhận dạng 00614

Trang 1/2

27/8/2013

Môn Học : Được phân tích (203419) - Số Tín Chi: 3

Ngày Thi : 14/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi M.01

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10142001	ĐỒNG THỊ LAN ANH	DH10DY		<i>tc</i>	8.5		7.0	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10142213	TRƯƠNG HOÀNG ANH	DH10DY		<i>Đnh</i>	9		7.5	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10142006	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG BÌNH	DH10DY		<i>ph</i>	7.5		7.9	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10142008	PHẠM THỊ KIM CHI	DH10DY		<i>Kim</i>	8.5		7.8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10142014	NGUYỄN DUY CỬ	DH10DY		<i>Cums</i>	8.5		8.4	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10142015	NGUYỄN THY DIỄM	DH10DY		<i>Thy</i>	8.5		7.8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10142018	ĐẶNG VĂN DIỄN	DH10DY		<i>Đv</i>	7.0		6.8	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10142019	NGUYỄN THỊ THANH DUNG	DH10DY		<i>Th</i>	8.5		8.3	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10142020	NGUYỄN THÙY DUNG	DH10DY		<i>Thuy</i>	7.5		8.7	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10142028	LÊ HAI DƯƠNG	DH10DY		<i>Thy</i>	8.5		6.0	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10142029	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	DH10DY		<i>Thy</i>	8.5		8.9	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10142032	NGUYỄN MINH ĐĂNG	DH10DY		<i>Minh</i>	8.5		7.8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10142037	NGUYỄN THỊ HẠNH	DH10DY		<i>hanh</i>	8.5		7.8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10142039	NÔNG THỊ MỸ HẠNH	DH10DY		<i>nh</i>	8.5		7.0	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10142219	THỊ MỸ HẠNH	DH10DY		<i>hanh</i>	8.5		7.1	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10142041	NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNG	DH10DY		<i>hanh</i>	8.5		7.1	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10142044	BÙI THỊ QUỲNH HOA	DH10DY		<i>Quynh</i>	9.5		8.1	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10142045	NGUYỄN THỊ HOA	DH10DY		<i>hanh</i>	8.5		9.1	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 39; Số tờ: 39

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
Nguyễn Văn Châu
Trương Tuấn Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 1 tháng 7 năm 2013

Phùng Võ Cẩm Hồng